

Bản án số: 05/2018/HS-ST.
Ngày: 12-01-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2017/HSST, ngày 30/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng H, sinh tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 62, đường X, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay : Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không có nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng N (chết) và bà Nguyễn T (chết); anh, chị, em ruột: Không có; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/9/2017 và chuyển tạm giam đến nay.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tố về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng T, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn M, sinh năm 1980, nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Ông Nguyễn L, sinh năm 1987, nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Ông Nguyễn V, sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Ông Nguyễn H, sinh năm 1947, nơi cư trú: Số nhà 49/6, đường P, Khóm 4, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số nhà 06, hẻm C, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng H, sinh năm 1984 là đối tượng đang chấp hành việc cai nghiện ma túy tại Trung tâm cai nghiện huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 22/9/2017 H được 03 cán bộ Trung tâm Cai nghiện gồm: Các ông Nguyễn M, Nguyễn L và Nguyễn V đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long để khám bệnh, khi khám bệnh xong thì H được đưa về nhà để gặp gia đình tại số 03/03A, đường P, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Khi ghé nhà H có ý định bỏ trốn, nên H lén lấy 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng bỏ vào bọc nilon mang theo, khi ông L và ông V dẫn H ra cổng nhà để đưa lên xe về Trung tâm cai nghiện, liền lúc đó H bỏ chạy bộ qua bên kia lộ đường P hướng về ngã tư Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long, ông L và ông V đuổi theo thì H lấy kéo ra đe dọa và tiếp tục bỏ chạy, chạy được một đoạn thì H phát hiện ông Nguyễn Đ là người chạy xe honda khách đang đậu xe trên vỉa hè trước số nhà 07/1, đường P, Đặng H yêu cầu ông Đ chở đến Bến xe Vĩnh Long nhưng ông Đ không đồng ý, liền lúc đó H lấy cây kéo ra dọa đâm ông Đ, do bị dùng vật sắc nhọn nguy hiểm đe dọa nên ông Đ sợ và xuống xe lùi về phía sau, lúc này nhìn thấy xe của ông Đ còn gắn chìa khóa nên liền lên xe, vừa cầm kéo đe dọa, vừa nổ máy và chạy đi, ông Đ không dám chống cự lại, khi H chạy xe đi ông Đ truy hô và cùng những người xung quanh đuổi theo nhưng không kịp, nên ông Đ đến Công an Phường 4, thành phố V trình báo sự việc.

Khi lấy được xe của ông Đ thì H điều khiển chạy đến xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long gặp người bạn tên P để xin tiền và sau đó điều khiển xe quay về bỏ tại quán café Gió, tại địa chỉ số 07/2, đường Đ, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, xong H đi bộ đến đường Lê T, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì bị

Công an thành phố V phát hiện và bắt giữ, qua lời khai của H Công an đã thu hồi được chiếc xe mô tô biển kiểm soát số 64B- 282.08.

Theo kết luận định giá tài sản số: 117/HĐĐG&TTHS, ngày 25/9/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kê t luận: Xe mô tô biển kiểm soát số 64B-282.08 có giá trị là 9.000.000 đồng và sau đó đã trả lại tài sản cho bị hại xong.

Tại bản cáo trạng số: 90/CT-VKS, ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo Đặng H về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Cướp tài sản*”.

Bị hại là ông Đ tại phiên tòa có ý kiến yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 400.000 đồng bị thiệt hại trong những ngày bị tạm giữ xe để điều tra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo, bị hại tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 90/CT-VKS, ngày 28/11/2017 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đặng H về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy một cây kéo.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự “2. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm”:

“d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Bị cáo H có hành vi dùng cây kéo đe dọa ông Đ để lấy xe honda, mặc dù mục đích lấy xe để tẩu thoát, nhưng hành vi của H lấy được xe của ông Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*”.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đặng H về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đe dọa để ngay tức khắc lấy tài sản của người khác, tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 9.000.000 đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi của bị cáo, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này, đối với tội danh của bị cáo nếu áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 thì cũng không có lợi gì cho bị cáo, nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo là hợp lý.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo, hiện tại bị cáo không có tiền án, không có tiền sự. Tuy nhiên, trước đây bị cáo từng có bị phạt tù về hành vi “*Cướp giật tài sản*” từ đó cho thấy nhân thân của bị cáo không tốt và bị cáo đã từng được đi cai nghiện nhưng không sửa đổi, nhưng khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại xong, nên không gây thiệt hại về tài sản, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, hơn nữa ý thức của bị cáo chỉ lấy tài sản làm phương tiện tẩu thoát, chứ không có ý chiếm đoạt sử dụng vào mục đích khác. Nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, mức hình phạt đề nghị từ 04 năm đến 05 năm tù theo tội danh, điều luật mà Cáo

trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt. Đồng thời việc đề nghị của Kiểm sát viên về phần dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 133 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng ...*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 400.000 đồng.

[7] Về vật chứng, hiện nay Cơ quan điều tra có giữ 01 cây kéo, đây là hung khí bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Đặng H phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Đặng H - 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 22/9/2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. *Trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận sự tự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đ (bị hại) số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm ngàn đồng*).

3. *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo (theo biên

bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2017 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V).

4. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Đặng H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- CC THA DS thành phố V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng**

